

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/KDTM-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Minh L

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thanh H

2. Ông Võ Thành V

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thành L, là Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh B - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-KDTM ngày 20/6/2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2019/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần H; địa chỉ trụ sở chính: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hồ Khắc T, sinh năm 197x. Địa chỉ: A đường S, Phường N, Quận D, Thành phố H và ông Nguyễn Văn K, sinh năm 197x. Địa chỉ: Xã B, huyện T, Thành phố H (Theo Văn bản ủy quyền số 180/2019/VBUQ ngày 13/11/2019).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH P; địa chỉ trụ sở chính: Số F Đường số G, Phường H, quận G, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Đinh Văn V, sinh năm 199x; địa chỉ: Số Q đường số W, R, P.M.H, Phường T, Quận Y, Thành phố H. (Theo Giấy ủy

quyền số 02/GUQ/2019 lập ngày 17/9/2019).

Phiên tòa có mặt ông T, ông K và ông V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Khắc T trình bày:*

Ngày 25/7/2017 Công ty cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty H) có ký Hợp đồng mua bán số 2507/HĐMB-VTTHN/2017 để bán cho Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) thép và vật tư các loại do các doanh nghiệp sản xuất. Thực hiện Hợp đồng Công ty H đã bán cho Công ty P làm ba đợt với giá trị hàng hóa cụ thể: Ngày 26/7/2017 bán hàng hóa với giá trị là 437.922.320 đồng; Ngày 29/7/2017 bán hàng hóa với giá trị là 1.547.619.975 đồng và ngày 18/8/2017 bán hàng hóa với giá trị là 480.586.975 đồng. Đến ngày 31/10/2017 Công ty P còn nợ Công ty H số tiền nợ gốc là 2.466.129.270 đồng (Theo hai bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2017). Hai bên thỏa thuận là sau khi nhận hàng Công ty P phải thanh toán cho Công ty H số tiền trên trong thời hạn 30 ngày, nếu quá hạn phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn. Tuy nhiên Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 240.000.000 đồng (trả làm hai đợt: đợt 1 là 90.000.000 đồng, đợt 2 là 150.000.000 đồng). Tính đến ngày 14/11/2019 phía bị đơn còn nợ số tiền gốc là 2.226.129.270 đồng và tiền lãi là 937.732.239 đồng (Lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng là 0.05%/ngày). Yêu cầu bị đơn trả một lần ngay sau khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đinh Văn V trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về giao dịch hợp đồng mua bán giữa Công ty H và Công ty P. Thống nhất số tiền nợ gốc cho đến hiện nay bị đơn nợ nguyên đơn số tiền là 2.226.129.270 đồng. Đối với số tiền lãi là 937.732.239 đồng, bị đơn thống nhất số tiền này nhưng đề nghị nguyên đơn giảm 50% số tiền lãi vì bị đơn cũng gặp rủi ro kinh doanh nên mới dẫn đến việc chậm trả tiền nợ cho nguyên đơn. Nếu nguyên đơn không đồng ý thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, bị đơn sẽ trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tổ tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc có ký hợp đồng mua bán hàng hóa và xác nhận số nợ gốc là 2.226.129.270 đồng

và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 937.732.239 đồng. Các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 0.05%/ngày là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn Công ty cổ phần H khởi kiện Công ty TNHH P về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty TNHH P có trụ sở chính tại quận G. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

#### *2. Về nội dung:*

Nguyên đơn Công ty cổ phần H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH P phải trả số tiền mua hàng là 2.226.129.270 đồng và lãi suất là 937.732.239 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng mua bán số 2507/HĐMB-VTTHN/2017 ngày 25/7/2017 thể hiện Công ty cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty thép Hà Nội) có ký Hợp đồng để bán cho Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) thép và vật tư các loại do các doanh nghiệp sản xuất. Sau khi ký hợp đồng Công ty H đã giao cho Công ty P làm ba đợt với giá trị hàng hóa cụ thể: Ngày 26/7/2017 giao hàng hóa với giá trị là 437.922.320 đồng; Ngày 29/7/2017 giao hàng hóa với giá trị là 1.547.619.975 đồng và ngày 18/8/2017 giao hàng hóa với giá trị là 480.586.975 đồng. Đến ngày 31/10/2017 Công ty P còn nợ Công ty H số tiền nợ gốc là

2.466.129.270 đồng (Theo hai bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2017). Hai bên thỏa thuận là sau khi nhận hàng Công ty P phải thanh toán cho Công ty H số tiền trên trong thời hạn 30 ngày, nếu quá hạn phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn. Tuy nhiên Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 240.000.000 đồng (trả làm hai đợt: đợt 1 là 90.000.000 đồng, đợt 2 là 150.000.000 đồng). Tính đến ngày 14/11/2019 phía bị đơn còn nợ số tiền gốc là 2.226.129.270 đồng và tiền lãi là 937.732.239 đồng (Lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng là 0.05%/ngày). Yêu cầu bị đơn trả một lần ngay sau khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực.

Bị đơn thống nhất với với số tiền mua hàng mà nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên tiền lãi bị đơn không đồng ý trả vì bị đơn gặp rủi ro trong kinh doanh. Xét, tại điều 4 của hợp đồng mua bán quy định: “Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B 100% giá trị tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng hóa. Quá hạn thanh toán bên A phải chịu lãi suất 0.05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn.” Như vậy việc trả tiền lãi đã được 2 bên thỏa thuận trong hợp đồng với lãi suất 0.05%/ngày tương ứng với 18%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn tính đến ngày 14/11/2019 là 937.732.239 đồng và tiền gốc 2.226.129.270 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực.

### *3. Về án phí:*

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Công ty P phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 95.277.230 đồng.

Yêu cầu của Công ty H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 43.838.102 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0029489 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, Điều 55, Điều 306, của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty TNHH P trả cho Công ty cổ phần H số tiền vốn là 2.226.129.270 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/11/2019 là 937.732.239 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 3.163.861.509 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 95.277.230 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho Công ty cổ phần H đã nộp là 43.838.102 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0029489 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty cổ phần H, Công ty TNHH P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Loan**